

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình cập nhật năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 08/QĐ-HĐTTĐHYD ngày 10/8/2020 của Hội đồng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 2672/QĐ-ĐHYD ngày 28/12/2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định rà soát, điều chỉnh, bổ sung và cập nhật chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 610/QĐ-ĐHYD ngày 09/04/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc ban hành mẫu Bản mô tả chương trình đào tạo và Đề cương chi tiết học phần;

Căn cứ Công văn số 1398/ĐHYD-TTKT ngày 22/10/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên về việc thống nhất cách viết mục tiêu, chuẩn đầu ra CTĐT sau đại học theo mẫu chung;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Bản mô tả chương trình đào tạo Chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình cập nhật năm 2022 (kèm theo).

Điều 2. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan tổ chức xây dựng đề cương chi tiết các học phần thuộc chương trình đào tạo; áp dụng từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng các Khoa, Phòng chức năng và Bộ môn liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *ker*

- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Như Điều 3;
- Website trường;
- Lưu: VT, ĐT, TT-KT.



PGS.TS. Nguyễn Tiên Dũng

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHUYÊN KHOA I
CHUYÊN NGÀNH Y HỌC GIA ĐÌNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 246 /QĐ-ĐHYD ngày 11 tháng 2 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên)*

I. Thông tin chung (General Information)

1. Tên trường/cơ sở cấp bằng: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
2. Cơ sở đào tạo, giảng dạy: *Trường Đại học Y - Dược, Đại học Thái Nguyên.*
3. Tên chương trình đào tạo
 - Tên tiếng Việt: *Chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Family Medicine*
4. Thông tin về kiểm định: *Trường đã được cấp Giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn chất lượng theo Quyết định số 128/QĐ-HĐKĐCLGD ngày 25/12/2017 của Giám đốc Trung tâm kiểm định chất lượng - Hiệp hội Các trường đại học cao đẳng Việt Nam.*
5. Trình độ đào tạo: *Chuyên khoa I*
6. Chuyên ngành đào tạo: *Y học gia đình*
7. Mã ngành đào tạo: *607298*
8. Thời gian đào tạo: *3 năm*
9. Ngôn ngữ đào tạo: *Tiếng Việt*
10. Hình thức đào tạo: *Tập trung theo đợt*
11. Danh hiệu văn bằng
 - Tên tiếng Việt: *Bác sĩ Chuyên khoa I chuyên ngành Y học gia đình*
 - Tên tiếng Anh: *The First Level Specialist in Family Medicine*

II. Mục tiêu chương trình đào tạo (Program Educational Objective - PEO)

Mục tiêu	Mô tả <i>Sau khi hoàn thành chương trình đào tạo, người học đạt được các mục tiêu sau</i>	Phù hợp		
		<i>Sứ mạng</i>	<i>Tâm nhìn</i>	<i>Luật Giáo dục</i>
I. Kiến thức				
PEO 1	Vận dụng hiệu quả kiến thức về khoa học cơ bản, cơ sở ngành, chuyên ngành và phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.	x	x	x

II. Kỹ năng				
PEO 2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng: xử trí các cấp cứu thường gặp tại cộng đồng; khám, chẩn đoán, xử trí và chuyển tuyến phù hợp một số bệnh ở tuyến y tế cơ sở; tổ chức và quản lý phòng khám Y học gia đình.	x	x	x
PEO 3	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp	x	x	x
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm				
PEO 4	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp. Chủ động trong học tập, nghiên cứu, quản lý, hướng dẫn, đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp.	x	x	x

III. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (Program Learning Outcome)

Chuẩn đầu ra	Mô tả chuẩn đầu ra <i>Ngay khi kết thúc chương trình đào tạo, người học phải đạt được các chuẩn đầu ra sau:</i>	Phân loại	
		Chuẩn đầu ra chung	Chuẩn đầu ra chuyên biệt
I. Kiến thức			
PLO 1	Vận dụng được kiến thức về triết học, phương pháp giảng dạy lâm sàng trong thực hành nghề nghiệp.		x
PLO 2	Vận dụng hiệu quả kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành để chẩn đoán, xử trí và cấp cứu một số bệnh thường gặp tại tuyến y tế cơ sở và quản lý chăm sóc sức khỏe tại nhà.	x	
II. Kỹ năng			
PLO 3	Thực hiện thành thạo các biện pháp sàng lọc, chẩn đoán, điều trị, theo dõi, tiên lượng các bệnh thường gặp tại cộng đồng	x	

PLO 4	Tư vấn thành thạo các biện pháp tăng cường sức khỏe cho cá nhân và gia đình tại phòng khám ngoại trú tuyến y tế cơ sở.		x
PLO 5	Chẩn đoán, xử trí và chuyển tuyến phù hợp một số bệnh ở tuyến y tế cơ sở.		x
PLO 6	Tổ chức và quản lý được phòng khám Y học gia đình.		x
PLO 7	Giao tiếp, truyền đạt và phối hợp hiệu quả với đồng nghiệp để triển khai các hoạt động chuyên môn nghề nghiệp thuộc chuyên ngành Y học gia đình.	x	
III. Mức tự chủ và chịu trách nhiệm			
PLO 8	Hoàn toàn chịu trách nhiệm cá nhân trước các quyết định chuyên môn và ứng xử nghề nghiệp.	x	
PLO 9	Chủ động trong học tập và đưa ra được những sáng kiến có giá trị thực tiễn, ý nghĩa khoa học trong chuyên ngành Y học gia đình.	x	
PLO 10	Tự định hướng, quản lý, đánh giá, cải tiến các hoạt động chuyên môn và hướng dẫn được đồng nghiệp, người học.	x	

IV. Ma trận tương quan giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu chương trình đào tạo (PEO)	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
PEO 1	x	x		x		x	x	x		x
PEO 2	x	x	x	x	x	x	x	x	x	x
PEO 3	x	x	x	x	x			x	x	x
PEO 4		x	x		x			x		x

V. Thông tin tuyển sinh và điều kiện tốt nghiệp

1. Thông tin tuyển sinh

*Thông tin chung

- Có đủ sức khỏe để học tập và công tác theo quy định.
- Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên, hiện không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Không giới hạn hạn tuổi dự thi
- Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời gian quy định.
- Cá nhân tham gia dự tuyển CKI ngành Y học gia đình khi đạt các điều kiện sau:

Điều kiện	
<i>Văn bằng/Chứng chỉ</i>	<i>Kinh nghiệm/ thâm niên công tác</i>
<ul style="list-style-type: none">- Có Bằng đại học ngành/chuyên ngành đúng/phù hợp với ngành/ chuyên ngành đăng ký dự tuyển.- Các bác sĩ làm việc liên tục trong chuyên ngành/chuyên ngành đăng ký dự thi trước ngày 01/01/2012 (ngày thông tư 41/2011/TT-BYT có hiệu lực) cho đến ngày đăng ký dự thi thì được dự thi ngành/chuyên ngành đang làm việc.- Đối với Bác sĩ Y học dự phòng tốt nghiệp sau ngày 01/01/2012 đã được cấp chứng chỉ hành nghề với phạm vi hoạt động chuyên ngành là được khám, phát hiện và xử trí các bệnh thông thường; xử trí ban đầu một số trường hợp cấp cứu tại cộng đồng thì được đăng ký dự thi CKI, chuyên ngành Y học gia đình.	<ul style="list-style-type: none">- Có chứng chỉ hành nghề đúng với ngành/chuyên ngành dự tuyển.- Có chứng chỉ hành nghề không đúng với ngành/chuyên ngành dự tuyển: cần có xác nhận của Thủ trưởng đơn vị thâm niên công tác trong ngành/chuyên ngành dự tuyển tối thiểu 01 năm kể từ khi có chứng chỉ hành nghề.

*Chế độ ưu tiên

- Người công tác liên tục ít nhất 2 năm tại xã thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo
- Thương binh, bệnh binh người có giấy xác nhận như thương binh

- Con liệt sĩ
- Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động, người có công với cách mạng
- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú ít nhất 2 năm liên tục ở địa phương thuộc vùng kinh tế đặc biệt khó khăn ở các địa phương miền núi, vùng cao, vùng sâu, hải đảo
- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, được Ủy ban nhân dân tỉnh chứng nhận dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả chất độc hóa học.

(Mỗi thí sinh chỉ được hưởng 1 diện ưu tiên)

- Điều kiện trúng tuyển: Thí sinh có điểm đạt ở tất cả các môn thi (bao gồm cả môn ngoại ngữ), sẽ được xếp theo thứ tự tổng điểm môn chuyên ngành và môn cơ sở (không tính môn ngoại ngữ) từ cao xuống thấp theo ngành/chuyên ngành dự thi sẽ được xét trúng tuyển cho đến khi đủ chỉ tiêu theo ngành/ chuyên ngành đã được phê duyệt)

Trường hợp có nhiều thí sinh có tổng điểm giống nhau, xét trúng tuyển với thí sinh có điểm chuyên ngành cao hơn

2. Điều kiện tốt nghiệp

- Hoàn thành, thi đạt toàn bộ chứng chỉ chuyên ngành và các môn chung, môn hỗ trợ.
- Không trong thời gian chịu thi hành kỷ luật.
- Hoàn thành nghĩa vụ tài chính đối với nhà trường.

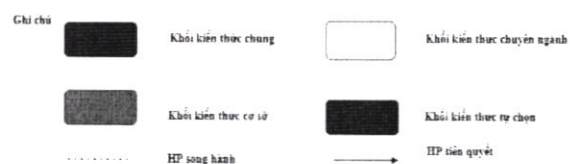
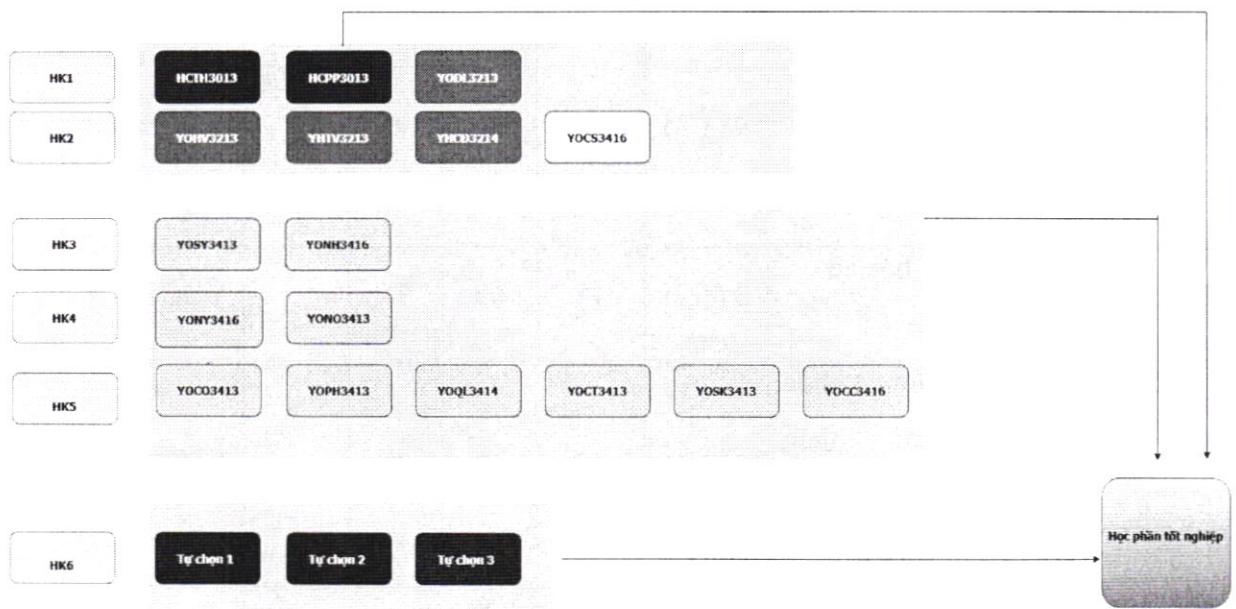
VI. Cấu trúc chương trình (Curriculum Structure)

TT	Mã HP	Tên học phần	Tổng số tín chỉ (%)	Số giờ tín chỉ			Mã HP học trước	Mã HP tiên quyết	Mã HP song hành	Kỳ học thuộc CTĐT
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
I.	Khối kiến thức cơ bản : 6 (7,8%)									
1.1	Học phần/module bắt buộc: 6									
1.	HCTH3013	Triết học	3 (3/0)	45	0	105				1
2.	HCPP3013	Phương pháp giảng dạy lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
II.	Khối kiến thức cơ sở ngành: 13 (16,9%)									
2.1	Học phần/module bắt buộc: 13									
3.	YODL3213	Dược lâm sàng	3 (2/1)	30	30	90				1
4.	YOHV3213	Y học hành vi	3 (1/2)	15	60	75				2
5.	YOTV3213	Tư vấn giáo dục sức khỏe trong YHGD	3 (1/2)	15	60	75				2
6.	YOCD3214	Chẩn đoán hình ảnh	4 (1/3)	15	90	95				2
III.	Khối kiến thức chuyên ngành 55 (71,4%)									
3.1	Học phần bắt buộc: 46									
7.	YOCS3416	Chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình	6 (2/4)	30	120	150				2
8.	YOCC3416	Các cấp cứu cơ bản trong Y học gia đình	6 (2/4)	30	120	150		YOCS3416		5

9.	YONY3416	Nội Y học gia đình	6 (2/4)	30	120	150		YOCS3416		4
10.	YONH3416	Nhi Y học gia đình	6 (2/4)	30	120	150		YOCS3416		3
11.	YOSY3413	Sân Y học gia đình	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		3
12.	YONO3413	Ngoại Y học gia đình	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		4
13.	YOCO3413	Chăm sóc giảm nhẹ trong Y học gia đình	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		5
14.	YOPH3413	Phục hồi chức năng	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		5
15.	YOQL3414	Quản lý phòng khám Y học gia đình	4 (1/3)	15	90	95		YOCS3416		5
16.	YOCT3413	Y học cổ truyền	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		5
17.	YOSK3413	Sức khỏe tâm thần trong YHGD	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		5
3.2	Học phần tự chọn (Chọn 3 trong 5 học phần): 9									
18.	YODD3513	Dinh dưỡng	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6
19.	YO CB3513	Các bệnh lây thường gặp	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6
20.	YOMA3513	Mắt	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6
21.	YOTM3513	Tai mũi họng	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6

22.	YOQL3513	Quản lý chăm sóc sức khỏe cộng đồng	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6
IV. Tốt nghiệp: 3 (3,9%)										
23.	YOTN3613	Học phần tốt nghiệp	3 (1/2)	15	60	75		YOCS3416		6
Tổng số			(29/48)	435	1340	2125				

VII. Tiến trình dạy- học (Curriculum Mapping)



Miền tiên quyết bắt buộc để học các học phần chuyên ngành còn lại là : Chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý y học gia đình

VIII. Mức độ đóng góp của các học phần vào chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

TT	Mã HP	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1.	HCTH3013	M	M		M		M	L		M	M
2.	HCPP3013	M	M						M	M	M
3.	YODL3213		H	M	M						H
4.	YOHV3213	H	M		H		H	H		H	H
5.	YOTV3213	M	M		H		H	M		M	M
6.	YOCĐ3214		H	H	M	H	H	M			M
7.	YOCS3416	H		H	H		H	H		H	H
8.	YOCC3416		H	M	M	H		H		M	H
9.	YONY3416		H	H	H	H		H		M	M
10.	YONH3416		H	H	H	H		H		M	M
11.	YOSY3413		H	H	H	H		H		M	M
12.	YONO3413		H	H	H	H		H		M	M
13.	YOCO3413	H	H	H	H	M		H		H	H
14.	YOPH3413		H	H	H	H		H		M	M
15.	YOQL3414	H					H			H	H
16.	YOCT3413	H	H	H	H	H		H		M	M
17.	YOSK3413	H		H	H	H		H		M	M
18.	YODD3513		H	H	H	H		H		M	M
19.	YOCB3513	H	H	H	H	H		H		M	M
20.	YOMA3513	H		H	H	H		H		M	M
21.	YOTM3513	H		H	H	H		H		M	M
22.	YOQL3513	H	H		H		M	H		M	M
23.	YOTN3613	H	H	H	H	H	H	H	H	H	H

IX. Ma trận tương quan giữa phương pháp dạy – học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thuyết trình	x	x							x	x
Giao bài tập tình huống	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Thảo luận nhóm	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Đóng vai			x	x	x	x	x		x	x
Thực hành theo bảng kiểm			x	x	x	x	x		x	x
Dạy - học bên giường bệnh			x	x	x	x	x		x	x
Dạy - học ngoài giường bệnh			x	x	x	x	x		x	x

X. Đánh giá kết quả học tập (Learning Assessment)

1. Hình thức, nội dung đánh giá

Đánh giá	Nội dung đánh giá	Trọng số (%)
Chuyên cần	Thực hiện thời gian biểu, thực hiện chỉ tiêu, tích cực trong hoạt động nhóm	10%
Thường xuyên	Kiến thức: bằng phương pháp trắc nghiệm, tự luận Kỹ năng: Vấn đáp dựa trên bảng kiểm kèm theo Rubric	10%
Giữa học phần	Kiến thức: phương pháp trắc nghiệm, chấm tiểu luận Kỹ năng: Vấn đáp dựa trên bảng kiểm kèm theo rubric	30%
Kết thúc học phần/module	Kiến thức: bằng phương pháp chấm chuyên đề. Kỹ năng: bằng phương pháp vấn đáp trên bảng kiểm kèm theo rubric	50%

2. Ma trận tương quan giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)									
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
Thi trắc nghiệm	x	x	x	x	x					x
Thi tự luận	x	x	x	x	x					x
Thi vấn đáp trên bảng kiểm có Rubic	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Báo cáo chuyên đề, tiểu luận	x	x	x	x	x	x	x		x	x
Thực hành			x	x	x	x	x		x	x
Lượng giá sản phẩm (Bài tập nhóm, chỉ tiêu thực hành)			x	x	x	x	x		x	x

XI. Đối sánh (Benchmarking)

1. Đối sánh với các chương trình đào tạo trong và ngoài nước

CTĐT đã được đối sánh với các CTĐT của các trường Đại học trong nước cùng chuyên ngành làm cơ sở xây dựng CTĐT:

Mô tả	Trường ĐH Y Hà Nội		Trường ĐHYD Cần Thơ		Trường ĐHYD Huế		Trường ĐHYD Thái Nguyên	
	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)	Tín chỉ	Tỷ lệ (%)
Kiến thức cơ bản	8	8,0	9	12,9	20	21,1	6	7,8
Kiến thức cơ sở ngành	6	6,0	12	17,1	12	12,6	13	16,9
Kiến thức chuyên ngành	76	76,0	35	50,0	53	55,8	46	59,7
Tự chọn	0	0	4	5,7	0	0	9	11,7
Tốt nghiệp	10	10,0	10	14,3	10	10,5	3	3,9
Tổng	100	100%	70	100%	95	100%	77	100%

2. Đối sánh kết quả khảo sát các bên liên quan

Kết quả khảo sát các bên liên quan được tổng hợp, đối sánh làm căn cứ xây dựng/cải thiện chất lượng CTĐT:

Các bên liên quan	Kết quả khảo sát	Nội dung xây dựng/cải thiện CTĐT
Chuyên gia y tế/giáo dục	Lượng kiến thức chuyên ngành sâu rộng chuyên khoa hóa	Xây dựng chương trình đảm bảo cơ bản phù hợp Y học gia đình
Cựu sinh viên	Cần thiết thực tập tại phòng khám chuẩn mô hình Y học gia đình	Xây dựng mô hình chuẩn phòng khám Bác sĩ gia đình
Nhà tuyển dụng	Cần chú trọng đào tạo kỹ năng mềm	Chú trọng đào tạo kỹ năng mềm
Giảng viên	Cần chú trọng vào đào tạo thực hành	Xây dựng thời lượng các môn học thực hành tăng lên

XII. Mô tả tóm tắt các học phần/module thuộc chương trình đào tạo

1. Triết học

Học phần Triết học Mác-Lênin thuộc khối kiến thức cơ bản được giảng dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học những nội dung cơ bản gắn liền với những thành tựu của khoa học-công nghệ, với những vấn đề của thời đại và của thực tiễn đất nước đang đặt ra trong quá trình xây dựng và đổi mới. Phương pháp giảng: thuyết trình, nêu vấn đề, thảo luận nhóm. Phương pháp lượng giá học phần là báo cáo chuyên đề. Học phần này đóng góp vào CDR 7 (mức độ thấp), CDR1,2,4,6,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI ngành Y học gia đình.

2. Phương pháp giảng dạy lâm sàng

Học phần Phương pháp giảng dạy lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ bản, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học phương pháp dạy-học lâm sàng để trở thành người giáo viên giảng dạy thực hành, Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm thảo luận nhóm, bài tập nhóm, trình bày bài giảng thử theo nhóm nhỏ. Học phần này đóng góp vào CDR 1,2,8,9,10 (mức độ trung bình) của chương trình đào tạo BSCKI ngành Y học gia đình.

3. Dược lâm sàng

Học phần Dược lâm sàng thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về dược lâm sàng cơ bản để học viên có kiến thức, kỹ năng sử dụng các nhóm thuốc cơ bản. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và bệnh viện. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành, viết báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,10 (mức độ cao), CDR 3,4 (mức độ trung bình) của BSCKI ngành Y học gia đình.

4. Y học hành vi

Học phần Y học hành vi thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức và khoa học kỹ thuật về hành vi, tâm lý, xã hội và y sinh liên quan đến sức khỏe để học viên có khả năng áp dụng vào trong chẩn đoán, điều trị bệnh và phục hồi sức khỏe. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành, viết báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,4,6,7,9,10 (mức độ cao), CDR 2 (mức độ trung bình) của BSCKI ngành Y học gia đình.

5. Tư vấn giáo dục sức khỏe trong YHGD

Học phần Tư vấn giáo dục sức khỏe trong YHGD thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về truyền thông giáo dục sức khỏe để người học có kỹ năng giáo dục sức khỏe và lập kế hoạch và quản lý các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành bằng phương pháp đóng vai. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành, viết báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 4,6 (mức độ cao), CDR 1,2,7,9,10 (mức độ trung bình) của BSCKI ngành Y học gia đình.

6. Chẩn đoán hình ảnh

Học phần Chẩn đoán hình ảnh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức

cơ bản về các phương pháp chẩn đoán hình ảnh cơ bản (Xquang, siêu âm..) để người học có thêm kiến thức, kỹ năng hỗ trợ chẩn đoán các bệnh lý thường gặp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, bài tập nhóm, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và bệnh viện. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm tự luận, thực hành, viết báo cáo chuyên đề. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,3,5,6 (mức độ cao), CDR 4,7,10 (mức độ trung bình) của BSKKI ngành Y học gia đình.

7. Chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý Y học gia đình

Học phần Chăm sóc sức khỏe theo nguyên lý YHGD thuộc khối kiến thức chuyên ngành - bắt buộc, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ nhất. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về chuyên ngành Y học gia đình qua đó người học có kiến thức về các nguyên lý trong Y học gia đình qua đó người học có khả năng ứng dụng các nguyên lý trong Y học gia đình vào chăm sóc và quản lý sức khỏe tại tuyến y tế cơ sở. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, bình bệnh án, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và tại phòng khám Trung tâm Y học gia đình. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm: sự chuyên cần, tự luận/MCQ, ca lâm sàng, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 1,3,4,6,7,9,10 (mức độ cao) của BSKKI ngành Y học gia đình.

8. Các cấp cứu cơ bản trong Y học gia đình

Học phần Các cấp cứu cơ bản trong Y học gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành – bắt buộc, được dạy ở học kỳ 1 năm thứ ba. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức về các cấp cứu cơ bản thường gặp qua đó người học có khả năng vận dụng kỹ năng thực hành vào các tình huống cấp cứu tại cộng đồng. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận,

giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, bình bệnh án, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và tại phòng khám Trung tâm Y học gia đình. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm: sự chuyên cần, tự luận/MCQ, ca lâm sàng, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,5,7,10 (mức độ cao), CDR 3,4,9 (mức độ trung bình) của BSCKI ngành Y học gia đình.

9. Nội Y học gia đình

Học phần Nội Y học gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành – bắt buộc, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức và kỹ năng về các bệnh lý nội khoa thường gặp qua đó người học có khả năng vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh thường gặp tại cộng đồng. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, bình bệnh án, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và tại phòng khám Trung tâm Y học gia đình. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá người học bao gồm: sự chuyên cần, tự luận/MCQ, ca lâm sàng, báo cáo chuyên đề, bệnh án, chỉ tiêu lâm sàng, thi kỹ năng thực hành trên người bệnh. Học phần này nhằm đáp ứng CDR 2,3,4,5,7 (mức độ cao), CDR 9,10 (mức độ trung bình) của BSCKI ngành Y học gia đình.

10. Nhi Y học gia đình

Học phần Nhi Y học gia đình thuộc khối kiến thức chuyên ngành – bắt buộc, được dạy ở học kỳ 2 năm thứ hai. Học phần này sẽ trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng về các bệnh lý Nhi khoa thường gặp qua đó người học có khả năng vận dụng kiến thức, kỹ năng trong chẩn đoán, điều trị và quản lý các bệnh thường gặp tại cộng đồng.. Học phần còn trang bị cho người học những kỹ năng trong hướng dẫn đồng nghiệp, năng lực thảo luận, làm việc nhóm để rèn luyện mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong thực hành nghề nghiệp. Các phương pháp dạy học chủ yếu là thuyết trình, thảo luận nhóm, làm bài tập cá nhân, bài tập nhóm, thảo luận, giao ban, đi buồng, ca lâm sàng, bình bệnh án, hướng dẫn thực tập tại phòng thực hành và tại phòng khám Trung tâm Y học gia đình. Các